

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TP ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông **Cao Văn L**, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: thôn B, xã H, TP Đà Nẵng

2. Bà **Lê Thị T**, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: thôn P, xã B, TP Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2024 tại UBND xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau tại huyện H, thành phố Đà Nẵng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Nay ông L, bà T xác định không còn tình cảm nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông L, bà T.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L, bà T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông L, bà T.

[2] Về con chung: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T xác định không có

[3] Về tài sản chung: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T xác nhận không có.

[5] Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T mỗi người chịu 150.000đ.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 15 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Văn L và bà Lê Thị T thống nhất thuận tình ly hôn
(Giấy chứng nhận kết hôn số 115/2024, do Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, TP Đà Nẵng cấp cho ông L và bà T ngày 25/10/2024 không còn giá trị pháp lý)

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000đ ông Cao Văn L và bà Lê Thị T mỗi người chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ ông L, bà T đã nộp tại Thi hành án thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0000241 ngày 09/7/2025. Ông L và bà T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Bà Nà, TP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Bạt Hào

